

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày: 24-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Trần Thanh Bài.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Trương Lâm Tới;

1// Ngô Xuân Nam.

Thư ký phiên tòa: 2/ Phạm Đức Anh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội;

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 2// Lê Duy Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Quang M; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 24 tháng 8 năm 1990 tại Thái Bình; Nơi cư trú: Lữ đoàn A, Bình chủng B; địa chỉ: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nơi đơn vị đóng quân); cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Thiếu úy QNCN, Học viên, Lớp A1, Đại đội A2, Tiểu đoàn A3, Học viện A4; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang C và bà Nguyễn Thị P; tiền sự: không; tiền án: không; về nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đỗ Mai K, sinh ngày 14/11/1985; Nơi cư trú: thôn K, xã V, thị xã N, Thành phố Hà Nội: Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Vũ Thị C, sinh ngày 01/4/1988; nơi cư trú: thôn K, xã V, thị xã N, Thành phố Hà Nội: Vắng mặt;

- *Những người làm chứng:*

1. Phùng Văn T: Vắng mặt;

2. Hoàng Văn S: Vắng mặt;

3. Phùng Văn L: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ, ngày 03/10/2019, Bùi Quang M đến nhà Đỗ Mai K thuê 01 chiếc mô tô nhãn hiệu PIAGGIO - Zip, màu đỏ BKS: 29U1-330.39. Bùi Quang M viết hợp đồng mua xe từ ngày 03/10/2019 đến ngày 13/10/2019, giá thuê 50.000 đồng/01 ngày đêm và gửi ảnh Chứng minh thư quân đội qua Zalo làm tin. Ngay sau khi thuê được xe mô tô trên, Bùi Quang M điều khiển xe đến quán bi-a của Phùng Văn T ở xã V, thị xã N. Tại đây, M gặp Hoàng Văn S là người làm giúp cho T, M nói với S cần thế chấp, ký gửi lấy số tiền 30.000.000 đồng để chuyển trả nợ cho Phùng Văn L ở thôn Q, xã V, thị xã N. S điện thoại cho T nói M cần cầm xe lấy 30.000.000 đồng, T đồng ý và nói với S bảo M muốn lấy đủ 30.000.000 đồng thì viết giấy bán xe 34.000.000 đồng, thời gian trong một tháng; M đồng ý và nhờ S trả tiền cho L giúp. Sau đó, S lấy mẫu giấy bán xe đưa cho M tự viết và ký tên. Khoảng hai, ba ngày sau Phùng Văn L đến nhà thì T đưa 30.000.000 đồng tiền mặt cho L theo yêu cầu của M và nói M là bộ đội ở Học viện A4 đưa tiền trả nợ. Quá thời gian như giấy hẹn, không thấy M đến trả tiền, lấy xe, T bán chiếc xe trên cho L và giao toàn bộ giấy tờ, giấy mua bán xe cho L. Đầu tháng 12/2019, L đã bán chiếc xe mô tô BKS: 29U1-330.39 và giao toàn bộ giấy tờ xe cho một người không quen biết. Bùi Quang M có đơn xin thôi học, ngày 01/11/2019, Học viện A4 có quyết định số 5934/QĐ-HV về việc cho Bùi Quang M thôi học, trả về Binh chủng B. Do Bùi Quang M không trả xe và tiền thuê xe, cũng không liên lạc được với M, ngày 24/4/2020 anh K làm đơn trình báo, ngày 04/5/2020, Cơ quan Điều tra khu vực Binh chủng Đặc công thụ lý, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Quang M thừa nhận hành vi như nội dung nêu trên.

Bị hại Đỗ Mai K có lời khai: Chiều tối ngày 03/10/2019, M đến cửa hàng của tôi bảo cần thuê một chiếc xe máy. Tôi hỏi M có giấy tờ gì không thì M bảo là bộ đội, tôi bảo M chụp chứng minh thư quân đội và gửi cho tôi qua Zalo. Tôi đưa giấy tờ xe BKS: 29U1-330.39 mang tên vợ tôi là Vũ Thị C cho M viết hợp đồng, giá thuê xe là 50.000 đồng/01 ngày, thời gian thuê xe từ ngày 03/10/2019 đến ngày 13/10/2019. M cam đoan trong hợp đồng là thuê xe của tôi để đi lại giải quyết việc gia đình, không mua bán, cầm cố sai mục đích. Sau đó tôi đưa xe máy, giấy tờ xe và chìa khóa xe cho M. Hết thời hạn thuê xe không thấy M trả xe và không liên lạc được với M. Do chiếc xe M đi cầm cố và bị bán đi không thu hồi được nên ngày 01/9/2020, M tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho tôi số tiền 66.000.000 đồng bao gồm giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng còn lại là các thiệt hại khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vũ Thị C khai: Chiếc xe máy BKS: 29U1-330.39 là do anh K chồng tôi mua tặng tôi và đăng ký mang tên tôi. Chiếc xe này vợ chồng tôi sử dụng chung, ngày 03/10/2019, anh K cho M thuê xe và sau đó không trả lại. Tôi ủy quyền cho anh K toàn quyền giải quyết về bồi thường chiếc xe máy đó và không có ý kiến gì.

Lời khai của người làm chứng Hoàng Văn S: Chiều tối ngày 03/10/2019, tôi thấy nam thanh niên, sau này tôi biết là M đến cửa hàng của anh T nơi tôi làm. M bảo cần cầm xe lấy 30.000.000 đồng để trả nợ, tôi hỏi xe này của ai thì M bảo

xe của M. Tôi xem xe và hỏi M, M đưa giấy tờ xe và chứng minh thư quân đội cho tôi xem, tôi gọi điện cho T nói M cầm xe Zip màu đỏ, BKS: 29U1-330.39, đời 2019. T bảo xe đời 2019 và biển số Hà Nội thì được, nhưng muốn lấy 30.000.000 đồng thì viết giấy bán xe 34.000.000 đồng, tính tiền lãi 4.000.000 đồng trong một tháng. Sau đó tôi lấy mẫu bán xe cho M điền các thông tin vào và ghi thời gian bán xe là từ ngày 03/10/2019 đến 03/11/2019 và M ký tên. M bảo tôi chuyển cho Phùng Văn L là người cùng xã 30.000.000 đồng để trả nợ, tôi bảo M cứ về đi tí nữa tôi chuyển tiền cho L. Một lát sau T về, tôi giao xe, giấy tờ xe, giấy mua bán xe cho T và bảo T chuyển cho L 30.000.000 đồng để trả nợ cho M, T đồng ý.

Người làm chứng Phùng Văn T có lời khai: Chiều ngày 03/10/2019, tôi đang đá bóng thì S gọi điện cho tôi nói có người muốn cầm xe Zip đời 2019, màu đỏ, biển Hà Nội và bảo cầm 30.000.000 đồng. Tôi hỏi M là người như thế nào, S bảo là bộ đội. Tôi nói với S nếu cầm xe 30.000.000 đồng thì viết bán xe 34.000.000 đồng trong một tháng, nghĩa là tính lãi 4.000.000 đồng/01 tháng. Trường hợp nếu hết một tháng mà M không đến trả tiền và lấy xe thì tôi được quyền bán xe này đi. Khoảng 02 đến 03 ngày sau Phùng Văn L đến nhà tôi, tôi đã đưa 30.000.000 đồng tiền mặt cho L và bảo Bùi Quang M là bộ đội công tác ở Học viện A4 gửi trả nợ. Khi hết thời hạn cầm xe một tháng, không thấy M đến trả tiền và lấy xe tôi gọi điện cho M nhưng không liên lạc được, tôi đã bán xe BKS: 29U1-330.39 với giá 37.000.000 đồng và giao toàn bộ giấy tờ, giấy mua bán xe cho Phùng Văn L.

Người làm chứng Phùng Văn L có lời khai: Bùi Quang M là bộ đội học ở Học viện A4 có vay tôi 200.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền. khoảng đầu tháng 10/2019, tôi không nhớ ngày, Phùng Văn T đưa cho tôi 30.000.000 đồng và nói M là bộ đội Học viện A4 trả cho tôi. Khoảng tháng 11/2019, tôi có mua chiếc xe BKS: 29U1-330.39 với giá 37.000.000 đồng, do cần tiền nên đầu tháng 12/2019 tôi đã bán chiếc xe này và đưa toàn bộ giấy tờ xe cho một người không quen biết và đến nay tôi không nhớ người đó tên là gì.

Hợp đồng thuê xe máy ngày 03/10/2019 do Bùi Quang M viết, nội dung: Hôm nay ngày 03/10/2019 tại nhà anh Đỗ Mai K, địa chỉ: thôn K, xã V, thị xã N, Thành phố Hà Nội. Tôi có thuê anh K chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio-Zip màu đỏ, mang biển số: 29U1-330.39. Đăng ký mang tên Vũ Thị C, sinh năm 1988, HKTT: thôn K, xã V, thị xã N, Thành phố Hà Nội, số máy: M256M4001077; số khung: 5411HV101275 với số tiền thuê xe là 50k/01 ngày. Thời hạn thuê xe là 10 ngày kể từ ngày 03/10/2019. Tôi sẽ trả xe, giấy tờ xe, tiền thuê xe cho anh K đầy đủ. Tôi cam đoan thuê xe của anh K để đi lại và giải quyết việc gia đình. Không mua bán, cầm cố sai mục đích. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước anh K và pháp luật.

Kết luận giám định số 173/GĐKTHS-P11 ngày 21/8/2020 của Phòng giám định Kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng, Kết luận: Chữ viết cần giám định trên tờ Hợp đồng thuê xe máy đề ngày 03/10/2019 (ký hiệu A) với chữ ký viết mẫu so sánh ghi của Bùi Quang M trên các tài liệu ký hiệu M1, M2 và M3 là do một người viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản số 23/HĐĐG-TCKH ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của UBND thị xã Sơn Tây, Kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS: 29U1- 330.39; số máy: M256M4001077; số khung: 5411HV101275; nhãn hiệu PIAGGIO, màu sơn đỏ, số loại: Zip. Tài sản cũ đã qua sử dụng, tài sản mua mới năm: 2018. Trị giá: 20.000.000 đồng.

Biên bản nhận dạng ngày 10/9/2020: Anh Hoàng Văn S nhận dạng chính xác Bùi Quang M.

Các biên bản đối chất: Giữa bị cáo Bùi Quang M và người làm chứng Hoàng Văn S ngày 20/11/2020, M và S đều xác nhận: Chiều tối ngày 03/10/2019, M đến quán bi-a của Phùng Văn T ở thôn Q, xã V viết giấy bán xe mô tô BKS: 29U1- 330.39 lấy 30.000.000 đồng và yêu cầu S chuyển cho Phùng Văn L để trả nợ. Việc M khai có L đi cùng đến quán bi-a để cầm ký xe, S không thừa nhận mà chỉ khẳng định: Chiều tối ngày 03/10/2019, khi S đi đá bóng về chỉ thấy M một mình ở quán bi-a, không nhìn thấy L và xe ô tô của L. Giữa bị cáo Bùi Quang M và Phùng Văn L ngày 20/11/2020, L và M đều thừa nhận việc M có nợ tiền L. Nội dung Bùi Quang M khai L có đi cùng M khi đi thuê xe ngày 03/10/2019 và cầm ký tại quán bi-a; M khai L cấp điểm, tài khoản và mật khẩu để M chơi cá độ bóng đá trên trang web bongda88.com thì L đều phủ nhận.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSTĐ-B1 ngày 20 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội đã truy tố bị cáo Bùi Quang M về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Quang M về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang M từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Quang M cho Lữ đoàn A, Binh chủng B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng không có cơ sở xác định Phùng Văn L đồng phạm với Bùi Quang M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời không xác định được M và L có hành vi đánh bạc và không có cơ sở xác định trách nhiệm hình sự đối với Phùng Văn T và Hoàng Văn S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hay cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

- Về bồi thường thiệt hại: Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Bùi Quang M phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra cho bị hại Đỗ Mai K. Ngày 01/9/2020, bị cáo và bị hại Đỗ Mai K đã thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại và không có ý kiến gì về vấn đề bồi thường thiệt hại nữa, nên đề nghị ghi nhận.

- Về việc xử lý đồ vật thu giữ: Ghi nhận việc xử lý đồ vật, tài sản bị thu giữ của Cơ quan Điều tra là đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí: theo quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Quang M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Bị cáo Bùi Quang M đồng ý với các nội dung luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến, tranh luận gì với kiểm sát viên.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cải tạo phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Bình chủng Đặc công, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Quang M khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở kết luận: Do nợ tiền Phùng Văn L nên Bùi Quang M đã nảy sinh ý định thuê xe mô tô để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Chiều tối ngày 03/10/2019, Bùi Quang M đã đến nhà của anh Đỗ Mai K ở xã V, thị xã N để làm hợp đồng thuê xe mô tô BKS: 29U1-330.39 từ ngày 03/10/2019 đến ngày 13/10/2019 giá thuê 50.000 đồng/01 ngày đêm và cam đoan thuê xe của anh K để đi lại và giải quyết việc gia đình; không mua bán, cầm cố sai mục đích. Ngay sau khi thuê được xe, Bùi Quang M điều khiển xe mô tô BKS: 29U1-330.39 đến quán bi-a của Phùng Văn T cùng xã V thế chấp vay số tiền 30.000.000 đồng và nhờ Hoàng Văn S là người làm cho T nói với T chuyển tiền cho Phùng Văn L để trả nợ. Theo Kết luận định giá tài sản chiếc xe mô tô này có trị giá là 20.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo Bùi Quang M đã cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu về tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến uy tín của Học viện A4 và Binh chủng B, gây dư luận xấu trong nhân dân.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Bùi Quang M đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" và "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại các điểm s, b, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bùi Quang M có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Bùi Quang M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; theo Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 BLHS về án treo thì bị cáo được coi là có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, buộc bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giao bị cáo Bùi Quang M cho đơn vị nơi bị cáo làm việc để giám sát, giáo dục, cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[5] Đối với Phùng Văn L, Phùng Văn T và Hoàng Văn S: Bùi Quang M khai, Phùng Văn L là người hướng dẫn, đi cùng M thuê xe máy, ký gửi lại lấy tiền để trả nợ và việc M khai chơi cá độ bóng đá trên mạng do L cấp điểm, tài khoản cho M. Trên cơ sở thu thập tài liệu, chứng cứ ngoài lời khai của M ra không có cơ sở để chứng minh hành vi của L. Cơ quan Điều tra đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ như khôi phục, trích xuất dữ liệu điện tử trên điện thoại, sao kê tài khoản Ngân hàng, đối chất, đấu tranh khai thác. Tuy nhiên, hai bên vẫn giữ lời khai của mình, không có tài liệu khác chứng minh. Do vậy, Cơ quan Điều tra không xác định Phùng Văn L đồng phạm với Bùi Quang M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời không xác định M và L có hành vi đánh bạc là có cơ sở.

Ngày 03/10/2019, Hoàng Văn S và Bùi Quang M trực tiếp trao đổi về việc ký gửi, bán xe mô tô BKS: 29U1-330.39 lấy 30.000.000 đồng. Vì S và T là anh em họ hàng nên sau khi trao đổi với M, S gọi điện hỏi T và được T đồng ý việc ký gửi, mua bán xe mô tô BKS: 29U1-330.39 với giá 30.000.000 đồng nhưng viết giấy bán xe là 34.000.000 đồng và được M đồng ý. Tuy nhiên, thực chất đến nay M chưa đưa cho T số tiền nào liên quan đến số tiền 34.000.000 đồng, M không đến lấy lại xe như cam kết. T, S không biết nguồn gốc xe mô tô BKS: 29U1-330.39 và không biết việc M lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh K, nên T đã bán xe mô tô này cho Phùng Văn L. Do đó, Cơ quan Điều tra không xác định trách nhiệm hình sự đối với T và S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hay cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự là có cơ sở.

Đối với chiếc điện thoại di động, trong giai đoạn điều tra Cơ quan Điều tra thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra hình sự đã trả lại cho bị cáo, nên HĐXX không xem xét giải quyết lại nữa.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Bùi Quang M phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Đỗ Mai K với số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 01/9/2020, bị cáo Bùi Quang M và bị hại Đỗ Mai K đã thỏa thuận bồi thường 66.000.000 đồng (trong đó: số tiền 20.000.000 đồng là trị giá chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt của anh K và số tiền còn lại là các thiệt hại khác hai bên tự thỏa thuận); bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về vấn đề bồi thường thiệt hại nữa, nên xét thấy cần ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Quang M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Bùi Quang M** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Quang M 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/3/2021). Giao bị cáo Bùi Quang M cho Lữ đoàn A, Binh chủng B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Bùi Quang M đã bồi thường xong cho bị hại Đỗ Mai K với tổng số tiền là: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 01/9/2020.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Bùi Quang M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/3/2021) đối với bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại và

đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại và đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm lên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:

- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA - BTM;
- CQĐTHS - BCĐC;
- Cơ quan THAHS Thủ đô HN;
- Lữ đoàn 198, BCĐC;
- Bị cáo Bùi Quang M;
- Bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, THA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Trần Thanh Bài